TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Trần Minh Út.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T2, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2013, bà Nguyễn Thị T1 và ông Trần Văn T2 kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào ngày 13 tháng 02 năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2014). Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian về sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cự cãi thường xuyên. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay. Xét thấy cuộc sống không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T2.

Về con chung: Quá trình sống chung giữa bà T1 và ông T2 có 02 người con chung tên Trần Nhã K, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2013 và Trần Chí T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2018. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhã K, yêu cầu giao Trần Chí T cho ông Trần Văn T2 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T2 vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của bà T1.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 cho bà Nguyễn Thị T1 được ly hôn với ông Trần Văn T2. Giao con chung tên Trần Nhã K cho bà T1 nuôi dưỡng; giao con chung tên Trần Chí T cho ông T2, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T1 với ông Trần Văn T2 được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn T2 là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trần Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T1 với ông Trần Văn T2.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T1 với ông Trần Văn T2 sống chung với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau ngày 13 tháng 02 năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2014). Do đó, hôn nhân của bà Nguyễn Thị T1 với Ông Trần Văn T2 là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T1 xác định, thời gian sống chung, bà và ông T2 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T2. Đối với ông Trần Văn T2, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập

hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng và cũng không cung cấp tài liệu, lời khai và chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T1 đã gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông T2 một thời gian dài nhưng ông T2 không có ý kiến gì, bà T1 cho rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T2 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2021. Điều đó cho thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T1 với ông Trần Văn T2 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 được ly hôn với ông Trần Văn T2.

[4] Về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình sống chung bà T1 và ông T2 có 02 người con chung tên Trần Nhã K và Trần Chí T. Bà T1 yêu cầu sau khi ly hôn bà được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng người con chung tên Trần Nhã K; giao con chung tên Trần Chí T cho ông T2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn T2 không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của bà T1. Đồng thời tại bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2023, Trần Nhã K có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị T1 sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 giao con chung tên Trần Nhã K, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2013 cho bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao người con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2018 cho ông Trần Văn T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu ông Trần Văn T2 cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông Trần Văn T2, quá trình giải quyết vụ án, ông T2 không có ý kiến gì về yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này ông T2 có yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T1 với ông Trần Văn T2.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Nhã K, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2013 cho bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân. Giao con chung tên Trần Chí T, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2018 cho ông Trần Văn T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu ông Trần Văn T2 cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 10 tháng 7 năm 2023, bà Nguyễn Thị T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0019061 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T1, ông Trần Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Văn Bình